

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 181/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-10-2019

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Long

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4236/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm B, thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Minh G, sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Số 34/40 đường H, phường I, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nhật Bản; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 26-9-2019, bản tự khai và các văn bản khác nguyên đơn là anh Phạm Văn A trình bày: Anh A và chị Phạm Minh G kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 17-8-2015. Thời điểm anh A và chị G kết hôn thì chị G đang là du học sinh tại Nhật Bản, nên sau khi kết hôn khoảng 15 ngày thì chị G sang Nhật Bản tiếp tục học tập. Đến tháng 4-2016, anh A sang Nhật Bản du học nhưng hai bên không chung sống cùng, thỉnh thoảng hai vợ chồng mới gặp nhau do anh A, chị G học ở hai trường cách xa nhau (Khoảng 600km). Trong thời gian này, chị G có thai nên đã quyết định nghỉ học về Việt Nam sinh con. Sau khi chị G về Việt

Nam, hai bên thỉnh thoảng mới liên lạc với nhau và quan hệ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng sống xa nhau nên không còn tin tưởng nhau, tính cách hai bên không phù hợp. Từ đó đến nay, anh A và chị G đã sống ly thân. Thời gian tới, chị G tiếp tục sang Nhật Bản du học theo chương trình đại học bốn năm nên vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh A yêu cầu được ly hôn với chị G.

Tại bản tự khai ngày 26- 9-2019, chị G xác nhận mối quan hệ giữa chị G, anh A cũng đúng như anh A trình bày. Quá trình chung sống do vợ chồng phải sống xa nhau nhiều nên không còn tin tưởng nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách và quan điểm sống không phù hợp, nay anh A xin ly hôn, chị G đồng ý.

Về con chung: Anh A, chị G thống nhất trình bày quá trình chung sống có một con chung là Phạm Lâm Nhật L, sinh ngày 29-11-2017. Ly hôn, chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung do con chung còn nhỏ, anh A đồng ý với đề nghị của chị G. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh A và chị G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh A, chị G thống nhất trình bày: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh A giữ nguyên yêu cầu ly hôn cũng như nội dung đã trình bày tại các văn bản gửi cho Tòa án.

Chị G vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đồng thời cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do đang du học tại Nhật Bản, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên chị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của chị G phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vụ án vắng mặt chị G.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị G kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 17-8-2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, do điều kiện công việc nên anh A, chị G không có nhiều thời gian chung sống cùng nhau. Do không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau, tính cách và quan điểm sống không phù hợp nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà phai nhạt. Từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, anh A và chị G đã sống ly thân. Hiện tại, chị G tiếp tục sang Nhật Bản du học bốn năm nên cơ hội để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn không có. Vì vậy, cả anh A và chị G đều thống nhất ly hôn, để mỗi bên ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm về việc ly hôn của anh A, chị G là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Anh A, chị G xác nhận quá trình chung sống có một con chung là Phạm Lâm Nhật L, sinh ngày 29-11-2017. Ly hôn, hai bên thống nhất quan điểm để chị G tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và tự thỏa thuận về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của anh A, chị G về việc nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi bên, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh A, chị G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Anh A có quyền thăm nom con, chị G không được cản trở anh A thực hiện quyền này - Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh A, chị G xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn A được ly hôn với chị Phạm Minh G.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Lâm Nhật L, sinh ngày 29-11-2017 cho chị Phạm Minh G được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh Phạm Văn A, chị Phạm Minh G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Anh Phạm Văn A có quyền thăm nom con, chị Phạm Minh G không được cản trở anh Phạm Văn A thực hiện quyền này. Anh Phạm Văn A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Phạm Văn A, chị Phạm Minh G xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Văn A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001760 ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Văn A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, chị Phạm Minh G có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường I, quận K, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương